TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2025/DS-ST
Ngày: 19-8-2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Dương Chiêu Hùng.
- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Lâm Dũ Quang
Ông Nguyễn Việt Cường
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hồng Nhi - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hồng Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2025/TLST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2025, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2025/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP P (H4). Địa chỉ: Số B N, phường S, thành phố Hồ Chí Minh. (Địa chỉ cũ: Số B N, phường B, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành T – Chuyên viên chuyên trách xử lý nợ thuộc Ngân hàng TMCP P Chi nhánh S. Địa chỉ: Số A T, phường P, thành phố Cần Thơ. (Địa chỉ cũ: Số A T, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng). (có mặt)

- *Bị đơn*: Ông Lý Hữu H, sinh năm 1982. Địa chỉ: ấp T, phường K, thành phố Cần Thơ. (Địa chỉ cũ: ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng). (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1/ Ông Lý Văn L, sinh năm 1948. Địa chỉ: ấp T, phường K, thành phố Cần Thơ. (Địa chỉ cũ: ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng). (vắng mặt)

2/ Bà Võ Thị N, sinh năm 1949. Địa chỉ: ấp T, phường K, thành phố Cần Thơ. (Địa chỉ cũ: ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng). (vắng mặt)

3/ Ông Lý Hoàng L1, sinh năm 1972. Địa chỉ: ấp T, phường K, thành phố Cần Thơ. (Địa chỉ cũ: ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng). (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22 tháng 7 năm 2024 (BL01-02) của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển thành phố P (H4) cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Nguyễn Thành T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 29/3/2021 Ngân hàng thương mại cổ phần Phát Triển thành phố P – Chi nhánh S với ông Lý Hữu H đã ký các Hợp đồng tín dụng như sau: Hợp đồng tín dụng số 11467/21MN/HĐTD ngày 29/03/2021, khế ước nhận nợ số 11467/21MN/HĐTD/KUNN03 ngày 03/04/2023, Số tiền vay: 560.000.000 đồng (Năm trăm sáu mươi triệu đồng). Thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 04/04/2023 đến ngày 03/04/2024. Lãi suất vay: 13.5%/ năm và có thể được H4 điều chỉnh theo từng thời kỳ. Mục đích vay: Bổ sung vốn chăn nuôi cá. Hợp đồng tín dụng số 11467/21MN/HĐTD ngày 29/03/2021, Phụ lục hợp đồng tín dụng số 11467/21MN/HĐTD/PL01 ngày 05/04/2023, khế ước nhận nợ số 11467/21MN/HĐTD/KUNN04 ngày 06/04/2023, Số tiền vay: 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 07/04/2023 đến ngày 06/04/2024; Lãi suất vay: 13.5%/ năm và có thể được H4 điều chỉnh theo từng thời kỳ. Mục đích vay: Bổ sung vốn nuôi cá.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay: Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 8737/21MN/HĐBĐ ngày 29/03/2021; Phụ lục Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 8737/21MN/HĐBD/PL01 ngày 05/04/2023 thế chấp Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 485, tờ bản đồ số 04 vị trí đất tại Ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp T, phường K, thành phố Cần Thơ) diện tích 11.952,6m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 765714, số vào số cấp GCN: CS 15348 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh S cấp ngày 25/02/2021 cho ông Lý Hữu H; Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 487, tờ bản đồ số 04, vị trí đất tại Ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp T, phường K, thành phố Cần Thơ) diện tích 4.138,1m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 765719, số vào số cấp

GCN: CS 15349 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh S cấp ngày 25/02/2021 cho ông Lý Hữu H.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu ông Lý Hữu H trả nợ nhưng ông Lý Hữu H vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng. Tính đến ngày 19/8/2025, ông Lý Hữu H còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 881.229.970 đồng (tám trăm tám mươi mốt triệu hai trăm hai mươi chín nghìn chín trăm bảy mươi đồng) cụ thể sau:

- Khế ước nhận nợ số 11467/21MN/HĐTD/KUNN03 ngày 03/04/2023: Nợ gốc: 560.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 36.924.713 đồng; Lãi quá hạn: 145.856.219 đồng; Lãi chậm trả: 5.088.529 đồng. Tổng cộng: 747.869.461 đồng.

- Khế ước nhận nợ số 11467/21MN/HĐTD/KUNN04 ngày 06/04/2023; Nợ gốc: 100.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 6.664.383 đồng. Lãi quá hạn: 25.786.849 đồng; Lãi chậm trả: 909.277 đồng. Tổng cộng: 133.360.509 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu Toà án giải quyết: Buộc ông Lý Hữu H phải thanh toán một lần toàn bộ nợ gốc và lãi cho H4 theo các hợp đồng tín dụng nêu trên với tổng số tiền là: 881.229.970 đồng (tám trăm tám mươi mốt triệu hai trăm hai mươi chín nghìn chín trăm bảy mươi đồng). Buộc ông Lý Hữu H phải thanh toán phần nợ lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng; khế ước nhận nợ đã ký kết với H4 tiếp theo cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp ông Lý Hữu H không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho H4, Ngân hàng yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản đã thế chấp cho H4, toàn bộ số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản đảm bảo được dùng để cấn trừ nghĩa vụ trả nợ của ông Lý Hữu H. Nếu số tiền phát mãi tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ của ông Lý Hữu H tại Ngân hàng thì ông Lý Hữu H vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ.

Bị đơn ông Lý Hữu H vắng mặt tại tất cả các buổi giải quyết của Tòa án nên không có ý kiến trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Văn L, bà Võ Thị N, ông Lý Hoàng L1 vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên toà đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chấp hành

đúng pháp luật, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng pháp luật, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử đã xác định đúng quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán số tiền còn nợ cho nguyên đơn với số tiền là 881.229.970 đồng (tám trăm tám mươi mốt triệu hai trăm hai mươi chín nghìn chín trăm bảy mươi đồng). Trong đó theo Hợp đồng tín dụng số 11467/21MN/HĐTD ngày 29/03/2021, khế ước nhận nợ số 11467/21MN/HĐTD/KUNN03 ngày 03/04/2023, Nợ gốc: 560.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 36.924.713 đồng; Lãi quá hạn: 145.856.219 đồng; Lãi chậm trả: 5.088.529 đồng. Tổng cộng: 747.869.461 đồng; Khế ước nhận nợ số 11467/21MN/HĐTD/KUNN04 ngày 06/04/2023, Nợ gốc: 100.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 6.664.383 đồng. Lãi quá hạn: 25.786.849 đồng; Lãi chậm trả: 909.277 đồng. Tổng cộng: 133.360.509 đồng và phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã ký, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử ngày 20/8/2025 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản đã ký để thu hồi nợ. Quyết định nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng và án phí sơ thẩm đối với đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho bị đơn ông Lý Hữu H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Văn L, bà Võ Thị N, ông Lý Hoàng L1 nhưng ông H, ông L, bà N, ông L1 vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử nhận thấy, Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển thành phố P (H4) có ký Hợp đồng tín dụng với bên vay ông Lý Hữu H, mục đích vay để bổ sung vốn nuôi cá. Trong quá trình thực hiện

hợp đồng ông H trả nợ không đúng kỳ hạn như thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng đã ký nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H có nghĩa vụ thực hiện trả tiền vốn vay và tiền lãi còn nợ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển thành phố P (H4) với bị đơn ông Lý Hữu H là tranh chấp về Hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp T, phường K, thành phố Cần Thơ nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển thành phố P (H4) về việc yêu cầu bị đơn trả tiền vay còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19/8/2025) tổng cộng là 881.229.970 đồng (tám trăm tám mươi mốt triệu hai trăm hai mươi chín nghìn chín trăm bảy mươi đồng). Trong đó theo Hợp đồng tín dụng số 11467/21MN/HĐTD ngày 29/03/2021, khế ước nhận nợ số 11467/21MN/HĐTD/KUNN03 ngày 03/04/2023, Nợ gốc: 560.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 36.924.713 đồng; Lãi quá hạn: 145.856.219 đồng; Lãi chậm trả: 5.088.529 đồng. Tổng cộng: 747.869.461 đồng; Khế ước nhận nợ số 11467/21MN/HĐTD/KUNN04 ngày 06/04/2023, Nợ gốc: 100.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 6.664.383 đồng. Lãi quá hạn: 25.786.849 đồng; Lãi chậm trả: 909.277 đồng. Tổng cộng: 133.360.509 đồng.

[4.1] Xét Hợp đồng tín dụng số 11467/21MN/HĐTD ngày 29/03/2021, khế ước nhận nợ số 11467/21MN/HĐTD/KUNN03 ngày 03/04/2023 và hợp đồng tín dụng 11467/21MN/HĐTD ngày 29/03/2021, Phụ lục hợp đồng tín dụng số 11467/21MN/HĐTD/PL01 ngày 05/04/2023, Khế ước nhận nợ số 11467/21MN/HĐTD/KUNN04 ngày 06/04/2023. Hội đồng xét xử thấy: Theo Hợp đồng tín dụng và phụ lục hợp đồng đã ký và khế ước nhận nợ đề ngày 03/04/2023, khế ước nhận nợ 06/04/2023 thì ông H còn nợ tiền vay của Ngân hàng T1 là 881.229.970 đồng (tám trăm tám mươi mốt triệu hai trăm hai mươi chín nghìn chín trăm bảy mươi đồng) thời hạn vay 12 tháng, thỏa thuận lãi suất trong hạn là 13,5%/năm và lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Quá trình vay tiền Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc ông H thực hiện trả nợ gốc và lãi, nhưng ông H vẫn không

thực hiện nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận và khoản nợ vay này đã chuyển sang nợ quá hạn. Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các đương sự, đương sự thừa nhận không ai phản đối tình tiết đã giao kết Hợp đồng cũng không có ý kiến về việc bị lừa dối, đe doạ, cưỡng ép nên Hợp đồng đã ký là hoàn toàn tự nguyện; mục đích sử dụng tiền vay để nuôi cá là không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định tại khoản 16 Điều 4 của Luật Các tổ chức tín dụng; Hợp đồng còn có chứa đựng đầy đủ các điều kiện cơ bản về số tiền vay, lãi suất, thời hạn vay, phương thức trả nợ, phương thức tính lãi, biện pháp bảo đảm tiền vay cũng như quyền và nghĩa vụ của các bên phù hợp với quy định tại Điều 117 của Bộ luật dân sự. Nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử (19/8/2025) là 881.229.970 đồng (tám trăm tám mươi mốt triệu hai trăm hai mươi chín nghìn chín trăm bảy mươi đồng). Trong đó theo Hợp đồng tín dụng số 11467/21MN/HĐTD ngày 29/03/2021; khế ước nhận nợ số 11467/21MN/HĐTD/KUNN03 ngày 03/04/2023: Nợ gốc: 560.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 36.924.713 đồng; Lãi quá hạn: 145.856.219 đồng; Lãi chậm trả: 5.088.529 đồng. Tổng cộng: 747.869.461 đồng; Khế ước nhận nợ số 11467/21MN/HĐTD/KUNN04 ngày 06/04/2023; Nợ gốc: 100.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 6.664.383 đồng. Lãi quá hạn: 25.786.849 đồng; Lãi chậm trả: 909.277 đồng. Tổng cộng: 133.360.509 đồng.

[4.2] *Đối với nợ lãi*: Hợp đồng tín dụng số 11467/21MN/HĐTD ngày 29/03/2021, Phụ lục hợp đồng tín dụng số 11467/21MN/HĐTD/PL01 ngày 05/04/2023 có lãi suất thỏa thuận 13.5%/năm đây là lãi suất do các bên thỏa thuận và không vi phạm các quy định của pháp luật về lãi suất. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi và bị Ngân hàng xác định là vi phạm hợp đồng. Do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông H phải trả nợ lãi trên dư nợ gốc là có căn cứ chấp nhận.

[4.3] *Xét Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số: 8737/21MN/HĐBĐ ngày 29/3/2021 tại Văn phòng C (Thành Phố S, tỉnh Sóc Trăng), số công chứng 2799, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD. Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng số 8737/21MN/HĐBĐ/PL01 ngày 05/4/2023; Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã V, tỉnh Sóc Trăng ngày 31/3/2021 Hội đồng xét xử thấy:* Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ ông H đã dùng tài sản là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn

liền với đất số CX 765714, số vào số cấp GCN: CS 15348 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh S cấp ngày 25/02/2021 cho ông Lý Hữu H tại thửa đất số 485, tờ bản đồ số 04, diện tích 11.952,6m² vị trí đất tại Ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp T, phường K, thành phố Cần Thơ); Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 765719, số vào số cấp GCN: CS 15349 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh S cấp ngày 25/02/2021 cho ông Lý Hữu H tại thửa đất số 487, tờ bản đồ số 04, diện tích 4.138,1m² vị trí đất tại Ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp T, phường K, thành phố Cần Thơ).

Các bên tham gia có đủ điều kiện về chủ thể, hoàn toàn tự nguyện, mục đích không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội và có đăng ký giao dịch bảo đảm. Do đó, Hợp đồng thế chấp tài sản có hiệu lực buộc các bên phải thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng. Nếu ông H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là đúng theo quy định tại Điều 8 của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 8737/21MN/HĐBĐ ngày 29/3/2021 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng số 8737/21MN/HĐBĐ/PL01 ngày 05/4/2023 mà các bên đã ký kết.

Căn cứ vào biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 25/3/2025 (BL116-117) quyền sử dụng đất được đương sự thế chấp cho Ngân hàng, có đặc điểm sau:

- Thửa đất số 487, tờ bản đồ 04, tọa lạc tại ấp T, phường K, thành phó Cần Thơ. Diện tích: 4.138,1m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 765719, số vào số cấp GCN: CS 15349 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh S cấp ngày 25/02/2021 cho ông Lý Hữu H. Tài sản trên đất: gồm 02 căn nhà và cây trồng trên đất, phần còn lại là đất ao tôm.

- Thửa đất số 485, tờ bản đồ 04, tọa lạc tại ấp T, phường K, thành phố Cần Thơ. Diện tích: 11.952,6m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 765714, số vào số cấp GCN: CS 15348 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh S cấp ngày 25/02/2021 cho ông Lý Hữu H. Tài sản trên đất không có, hiện trạng là đất ao tôm.

[5] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử (ngày 20/8/2025) bị đơn ông Lý Hữu H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 11467/21MN/HĐTD ngày 29/03/2021, Phụ lục hợp đồng tín dụng số 11467/21MN/HĐTD/PL01 ngày 05/04/2023 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

[6] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) ông Lý Hữu H phải chịu. Do Ngân hàng Thương mại Cổ phần phát triển thành phố P (H4) đã tạm ứng trước nên bị đơn ông H có nghĩa vụ thanh toán lại số tiền nêu trên cho Ngân hàng.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Lý Hữu H có nghĩa vụ chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 325; Điều 463; Điều 466 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 91 Luật Các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Điều 7; khoản 2 Điều 8; Điều 10; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần phát triển thành phố P (H4) đối với bị đơn ông Lý Hữu H về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Buộc bị đơn ông Lý Hữu H phải thanh toán nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần phát triển thành phố P (H4), tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19/8/2025) bao gồm các khoản sau:

- Nợ gốc 660.000.000 đồng;
- Lãi trong hạn 43.589.096 đồng;
- Lãi quá hạn 171.643.068 đồng;
- Lãi chậm trả: 5.997.806 đồng;

Tổng cộng 881.229.970 đồng (tám trăm tám mươi mốt triệu hai trăm hai mươi chín nghìn chín trăm bảy mươi đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử (ngày 20/8/2025) ông Lý Hữu H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 11467/21MN/HĐTD ngày 29/03/2021, Phụ lục hợp đồng tín dụng số 11467/21MN/HĐTD/PL01 ngày 05/04/2023 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

3. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng Thương mại Cổ phần phát triển thành phố P (H4) có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Lý Hữu H không thanh toán số tiền nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 8737/21MN/HĐBĐ ngày 29/3/2021 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng số 8737/21MN/HĐBĐ/PL01 ngày 05/4/2023 mà các bên đã ký kết để Ngân hàng thu hồi nợ.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Số tiền 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) ông Lý Hữu H phải chịu. Do Ngân hàng Thương mại Cổ phần phát triển thành phố P (H4) đã tạm ứng trước nên bị đơn ông Lý Hữu H có nghĩa vụ thanh toán lại số tiền nêu trên cho Ngân hàng.

5. Về án phí sơ thẩm:

- Ông Lý Hữa H1 phải chịu 38.436.899 đồng (ba mươi tám triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn tám trăm chín mươi chín đồng).

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần phát triển thành phố P (H4) không phải chịu án phí sơ thẩm, Ngân hàng được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 16.710.000 đồng (mười sáu triệu bảy trăm mười nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006289 ngày 06/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Nay là Thi hành án dân sự thành phố C (Phòng thi hành án dân sự khu vực 8 – Cần Thơ).

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND TPCT (Phòng KT, TT, NV&THA);
- VKSND khu vực 8 – Cần Thơ;
- Đương sự;
- THADS khu vực 8 – Cần Thơ;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Chiêu Hùng